

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

UBND XÃ BA ĐỘNG	
ĐẾN	Số:
	Ngày: 09/10/2025
	Chuyên:

ĐƠN TRÌNH BÁO

Kính gửi: UBND xã Ba Động.

- Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tơ
- Mã số doanh nghiệp: 4300271103.
- Địa chỉ: Km27, Quốc lộ 24, xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Người đại diện theo pháp luật:
Ông: Phạm Mân - Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ vào đơn trình báo ngày 6 tháng 10 năm 2025, của bà Bùi Thị Trang, hiện ở thôn Trường An, xã Ba Động, về việc mất trộm tài sản: Vào ngày 03/10/2025, bà Bùi Thị Trang phát hiện diện tích rừng ký hợp đồng với Công ty bị trộm cắp. Qua tìm hiểu được biết người trực tiếp thuê nhân công thực hiện hành vi khai thác trộm là **ông Phan Văn Thúc**, có địa chỉ thường trú tại thôn Trường An, xã Ba Động.

Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tơ (gọi tắt là Công ty) làm đơn trình báo với nội dung như sau:

Khi tiếp nhận đơn trình báo của hộ, Công ty tiến hành kiểm tra hiện trường khai thác trộm. Kết quả:

- Vị trí khai thác trộm: lô a, khoảnh 3, tiểu khu 357 xã Ba Động (thửa đất số 302, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4, xã Ba Động).
- Năm trồng: năm 2021.
- Loài cây: Keo lai hom AH7.
- Diện tích bị khai thác: 785m².
- Số gốc cây bị đốn hạ: 72 cây
- Khối lượng: khoảng 8m³
- Người vi phạm: qua tìm hiểu do ông Phan Văn Thúc, hiện ở thôn Trường An, xã Ba Động là người trực tiếp khai thác trộm.

Qua sự việc cho thấy hành vi khai thác trộm gỗ cây keo của Công ty là vi phạm pháp luật. Diện tích này do bà Bùi Thị Trang ký hợp đồng nhận khoán



RECEIVED
JAN 10 1964
FBI - NEW YORK
730

RECEIVED
JAN 10 1964
FBI - NEW YORK
730

trồng rừng với công ty vào năm 2021(có hợp đồng kèm theo). Vì vậy để bảo đảm các quyền lợi hợp pháp của mình, Công ty chúng tôi viết đơn này kính đề nghị Quý cơ quan xác minh, điều tra, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm.

Kính mong được sự quan tâm giải quyết kịp thời của Quý cơ quan./.

Ba To, ngày 08 tháng 10 năm 2025

Người làm đơn

GIÁM ĐỐC



Phạm Mân

03.
TY
H
H VI
HIỆ
CƠ
LÀNG

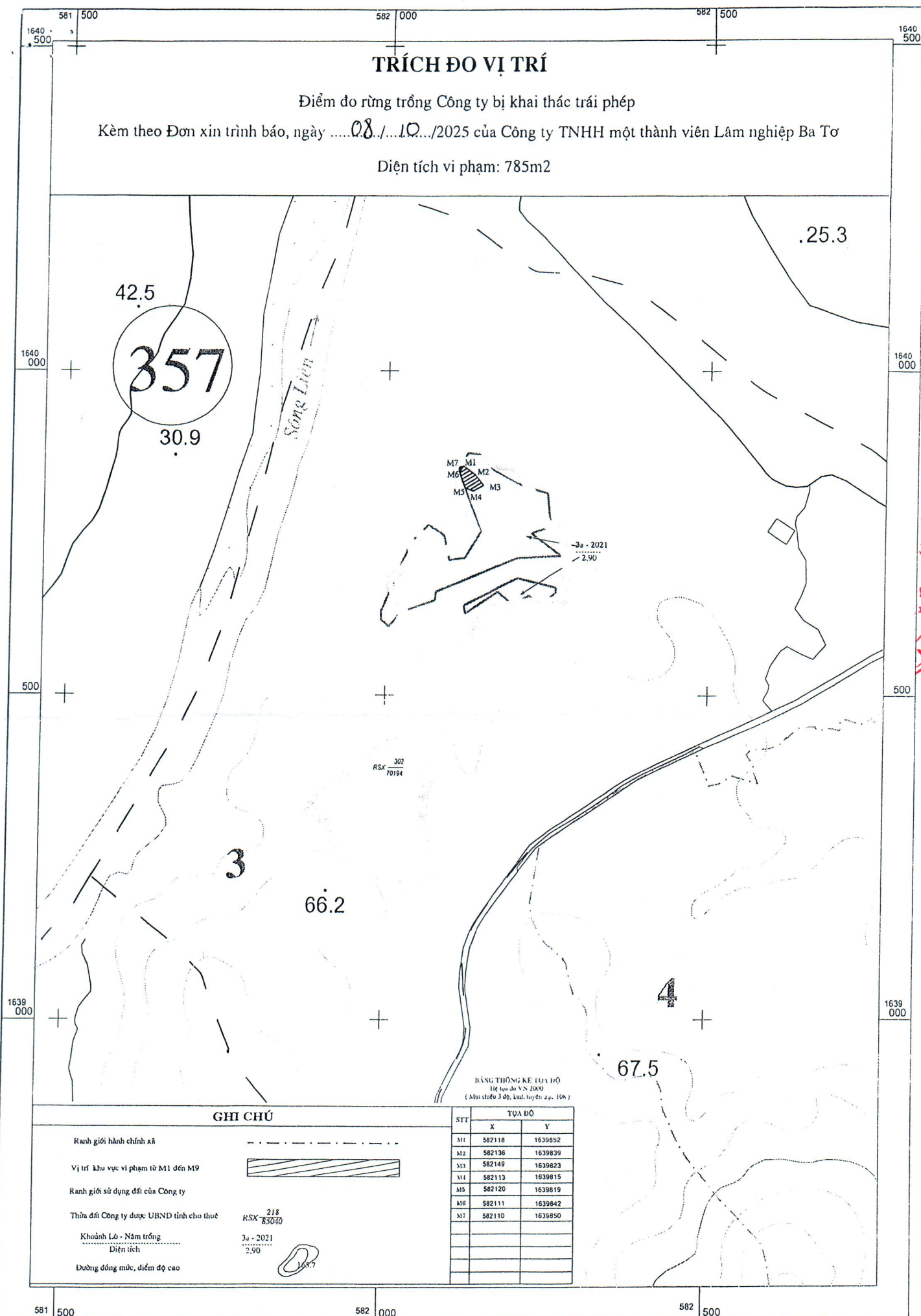
1990

TRÍCH ĐO VỊ TRÍ

Điểm đo rừng trồng Công ty bị khai thác trái phép

Kèm theo Đơn xin trình báo, ngày08./...10../2025 của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tư

Diện tích vi phạm: 785m²



GHI CHÚ

Ranh giới hành chính xã

Vị trí khu vực vi phạm từ M1 đến M9

Ranh giới sử dụng đất của Công ty

Thửa đất Công ty được UBND tỉnh cho thuê

Khoảnh Lô - Năm trồng
Diện tích

Đường đóng mức, điểm độ cao

RSX 218
83040

3a - 2021
2.90



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ
Hệ tọa độ VN 2000
(Mỗi chiều 3 độ, kinh tuyến 2°, 10°)

STT	TỌA ĐỘ	
	X	Y
M1	582116	1639852
M2	582136	1639839
M3	582149	1639823
M4	582113	1639815
M5	582120	1639819
M6	582111	1639842
M7	582110	1639850

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa



Số: 29/HĐKT 21

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

*“V/việc : Trồng rừng sản xuất tại Công ty Lâm nghiệp Ba Tơ
kế hoạch năm 2021”*

- Căn cứ Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017, của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật đất đai số: 45/2013/QH13, ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật dân sự số: 91/2015/QH13, ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số: 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;
- Căn cứ Quy chế quản lý Lâm nghiệp của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và cơ chế trồng rừng năm 2021 của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tơ;
- Căn cứ đơn xin ký nhận hợp đồng trồng rừng sản xuất của hộ nhận trồng rừng ngày 02 tháng 07 năm 2021;

Hôm nay, ngày 20 tháng 08 năm 2021, tại văn phòng Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tơ.

Hai bên chúng tôi gồm có :

I/ ĐẠI DIỆN BÊN A : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP BA TƠ

- Địa chỉ : Km27, Quốc lộ 24, xã Ba Cung, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.
- ĐT: 0255.3895.456, 0255.3606.684, Fax : 0255.3863.250
- Mã số thuế: 4 3 0 0 2 7 1 1 0 3
- Tài khoản số: 4509201000016. Tại Ngân hàng NN& PTNT huyện Ba Tơ, Quảng Ngãi
- Do ông **Phạm Mân** - Giám đốc làm đại diện

II/ ĐẠI DIỆN BÊN B : HỘ NHẬN KHOÁN TRỒNG RỪNG

- Ông (bà): **Bùi Thị Trang** - Hộ nhận trồng rừng
- Số CMND: 211912368 cấp ngày 29/06/2015 Do CA Quảng Ngãi cấp
- Ông (bà): - Hộ nhận trồng rừng
- Số CMND: cấp ngàyDo Công an tỉnh
- Hiện cư trú tại : Thôn Trường An, xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi
- Tài khoản: Tại NH:

Hai bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế về việc: Trồng rừng sản xuất năm 2021 theo các điều khoản sau đây:

Điều 1. Các thủ tục đầu tư

1. Thủ tục giao nhận đất trồng rừng:

Căn cứ đơn xin hợp đồng trồng rừng sản xuất năm 2021 của bên B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bên A. Bên A đo đạc, xác định vị trí, diện tích thửa đất và làm thủ tục bàn giao hiện trường cho bên B, cụ thể như sau:

- Diện tích đất được giao: **2,90ha**

- Tại vị trí: Thửa đất số: - tờ bản đồ số: -

Tiểu khu: 357 ; Khoanh: 3; Lô: a = 2,90ha ;

Thuộc xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Kèm theo sơ đồ vị trí và biên bản giao nhận đất trồng rừng)

2. Thủ tục nhận vốn đầu tư:

Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế, Bên B được quyền ứng vật tư, phân bón, cây giống, tiền công để thi công trồng rừng.

Mỗi lần nhận vật tư, cây giống, ứng tiền công hoặc thanh toán cho bên B, thì bên B phải ký nhận vào giấy nhận tiền, nhận vật tư, bảng đối chiếu xác nhận vốn đầu tư, để đối chiếu kết quả đầu tư hàng năm làm cơ sở cho việc thanh quyết toán vốn đầu tư giữa hai bên.

Điều 2. Nội dung công việc và quy trình kỹ thuật:

I. Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng năm thứ nhất (năm 1):

1. Xử lý thực bì:

- Đối với đất sau khai thác: Thực bì sau khai thác phải xử lý cục bộ và giữ lại lớp thảm tươi. Áp dụng hai phương pháp xử lý thực bì như sau:

+ *Xử lý thực bì gom dọn, băm đập không đốt*: Thực bì và cành ngọn cây sau khai thác được gom dọn, băm đập rải đều trên toàn diện tích hoặc xếp theo băng song song với đường đồng mức để hạn chế xói mòn đất; băng chừa phải bảo đảm mật độ trồng rừng;

+ *Xử lý thực bì gom dọn, đốt cục bộ*: Thực bì và cành ngọn cây sau khai thác được gom dọn thành các đồng nhỏ, đốt cục bộ; áp dụng ở những nơi có thực bì quá dày và cành ngọn sau khai thác nhiều, nguy cơ cháy rừng cao; Mục đích của việc đốt cục bộ thực bì là làm giảm vật liệu cháy, giảm nguy cơ cháy rừng vào mùa khô; Khi đốt phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết để phòng chống cháy; Phải giữ lại cây tái sinh bản địa và có biện pháp bảo vệ; giữ lại các thân cây chết khô, mục làm môi trường sống cho các loại vi sinh vật.

- Đối với đất khai hoang mới

+ Phát sát gốc toàn diện thực bì trong lô trồng rừng và trên đường ranh cản lửa; băm đập rải đều trên toàn diện tích, gốc phát còn lại không quá 15cm. Những nơi thực bì quá dày và nhiều lau lách thu gom thành đồng nhỏ và tiến hành đốt cục bộ có kiểm soát. Khi đốt phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết để phòng chống cháy;

+ Trong quá trình xử lý thực bì phải giữ lại cây tái sinh bản địa để bảo vệ tính đa dạng sinh học của rừng;

+ Phương pháp xử lý thực bì: bằng thủ công;

+ Thời gian xử lý thực bì: trước khi trồng rừng ít nhất một tháng.

2. Làm đất và bón phân:

- *Phương thức làm đất*: làm đất cục bộ theo hố.

+ *Phương pháp thủ công (dùng cuốc bừa để cuốc hố)*: kích thước hố sâu 30cm, rộng 30cm, ngang 30cm, cự ly hố: 2,0m x 2,0m mật độ 2.500 cây/ha, hàng chạy theo đường đồng mức; áp dụng ở những nơi có địa hình phức tạp, độ dốc cao, nguy cơ xói mòn đất lớn;

+ *Phương pháp cơ giới (máy đào bằng xích)*: kích thước hố sâu 60cm rộng 60cm, ngang 60cm; cự ly hố: 2,0m x 2,0m mật độ 2.500 cây/ha; đất đào lên được thả xuống tại hố đào, không được bỏ đất ra ngoài hố; áp dụng ở những nơi có địa hình bằng phẳng, độ dốc thấp, ít có nguy cơ xói mòn đất.

- *Lấp hố, bón phân*:

- Đối với làm đất bằng thủ công thì dùng lớp đất mặt tơi xốp không lẫn đá to và rễ cây lấp 2/3 hố, đối với làm đất bằng cơ giới thì cuốc một hố nhỏ, ở chính giữa hố lớn, kết

hợp với lấp hố bón lót 100 gam phân NPK/hố trước khi trồng không quá 5-7 ngày; không sử dụng các loại phân bón mà FSC và Việt Nam cấm sử dụng;

- Phân bón: Chủ yếu dùng phân NPK: 10-10-5 để bón lót, tùy điều kiện thổ nhưỡng công ty có thể bón lót các loại phân NPK: 16-16-8, vi sinh, lân, vôi để cải tạo đất và phòng trừ nấm bệnh cây trồng.

3. Phương thức trồng, mật độ trồng, loài cây và tiêu chuẩn cây con trồng rừng.

- *Phương thức trồng*: Trồng thuần loài, trồng bằng cây con có bầu.

- *Mật độ trồng*: Trồng chính: 2.500 cây/ha; cự ly 2,0m x 2,0m, trồng dặm 375 cây/ha

- *Loài cây và tiêu chuẩn cây con*:

+ Loài cây: Keo

+ 100% cây con có bầu. Tuổi cây 2,5 - 3 tháng. Chiều cao 25cm - 35cm. Đường kính cổ rễ 2,5mm - 3,5mm. Cây có sức sinh trưởng tốt, không cong queo cụt ngọn, không sâu bệnh;

- *Thời vụ trồng*

Trồng từ tháng 9 đến tháng 10, trồng tập trung vào đầu mùa mưa, sau những ngày mưa và đất đã đủ ẩm; không trồng vào những ngày mưa to, gió lớn hoặc nắng nóng.

Sau khi trồng chính từ 10 -15 ngày, tiến hành trồng dặm thường xuyên để đảm bảo mật độ cây sống theo thiết kế.

- *Kỹ thuật trồng*: Xé bỏ túi bầu, đặt cây chính giữa hố, vun đất nhỏ xung quanh bầu, dùng tay nén nhẹ đảm bảo độ chặt vừa phải. Lấp đất qua mặt bầu từ 2cm - 3cm để cây con không bị nghiêng ngã và trơ rễ.

- *Vệ sinh rừng trồng*: Sau khi trồng tiến hành thu gom toàn bộ rác thải rắn (Bao bì đựng cây, vỏ bầu, bao bì phân bón và rác thải khác) để chuyển cho cơ quan có chức năng xử lý rác thải.

- *Trồng dặm*: Sau khi trồng rừng phải thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện cây chết phải trồng dặm kịp thời để rừng trồng đảm bảo cây sống đúng mật độ, chất lượng theo quy định (tỷ lệ sống của lô rừng đạt trên 95%).

II. Chăm sóc, bảo vệ rừng năm thứ hai:

1. Chăm sóc lần 1:

- Thời gian thực hiện từ tháng 2 đến tháng 4.

- Phát sát gốc toàn diện thực bì, gốc phát còn lại cao không quá 15 cm; kết hợp tỉa cành nhánh, thân phụ.

2. Chăm sóc lần 2:

- Thời gian thực hiện từ tháng 8 đến tháng 9.

- Phát sát gốc toàn diện thực bì, gốc phát còn lại cao không quá 15 cm; kết hợp tỉa cành nhánh, thân phụ.

Đối với một số diện tích rừng trồng được trồng vào đầu năm, tuy chưa đến kỳ chăm sóc theo quy định nhưng thực bì phát triển mạnh, chèn ép cây trồng thì tiến hành cho chăm sóc sớm và một năm phát chăm sóc 03 lần để cây trồng phát triển tốt. Đối với diện tích đất xấu có thể kết hợp bón thúc phân để tăng trưởng cây trồng.

III. Chăm sóc, bảo vệ rừng năm thứ ba:

1. Chăm sóc lần 1:

- Thời gian thực hiện từ tháng 2 đến tháng 4.

- Phát sát gốc toàn diện thực bì, gốc phát còn lại cao không quá 15 cm;

2. Chăm sóc lần 2:

- Thời gian thực hiện từ tháng 8 đến tháng 9.

- Phát sát gốc toàn diện thực bì, gốc phát còn lại cao không quá 15 cm;

IV. Bảo vệ, phòng chống cháy rừng các năm và nuôi dưỡng rừng trồng:

- Quản lý bảo vệ từ năm thứ 4 đến năm thứ 9: Rừng trồng phải được bảo vệ nghiêm ngặt trong suốt chu kỳ kinh doanh; kết hợp bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, có sự phối hợp giữa hộ trồng rừng với lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của bên A và UBND xã nơi có đất trồng rừng, ngăn chặn sự phá hoại của người và gia súc; Thường xuyên tuần tra, canh gác để theo dõi phòng chống cháy rừng và sâu bệnh hại; bảo vệ nguồn lợi của đất, nước và môi trường sinh thái; được cảnh báo qua các biển báo trực quan.

- Bên A sẽ tập huấn, tuyên truyền, vận động đến từng người dân tham gia quán triệt thực hiện Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật đất đai và các văn bản dưới Luật có liên quan. Phòng chống cháy rừng, khắc phục thiên tai (bão lũ, dịch họa,...), giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ quyền lợi của đôi bên ... thực hiện đúng quy trình kỹ thuật lâm sinh do bên A đề ra trong suốt kỳ bảo vệ rừng trồng.

- Công tác phòng cháy chữa cháy rừng: Làm đường băng cản lửa xung quanh lô hoặc xung quanh khu trồng rừng để phòng chống cháy rừng (chiều rộng 10m). Đối với những lô rừng độc lập, diện tích nhỏ, nằm rải rác không bố trí băng cản lửa thì thường xuyên phát dọn thực bì xung quanh lô rộng 6m-8m và gom toàn bộ những vật liệu dễ cháy ra khỏi lô rừng.

- Trong suốt chu kỳ trồng rừng, khi chưa có sự đồng ý của bên A, bên B không được trồng xen các loại cây trong diện tích rừng trồng làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng cây trồng (như cây mì, cây mây ...).

- Trong thời kỳ quản lý bảo vệ rừng, đối với lô rừng trồng cần thiết nuôi dưỡng do thực bì phát triển mạnh chèn ép cây trồng, thì công ty sẽ lập hồ sơ dự toán phát nuôi dưỡng để giao cho hộ nhận khoán thi công, toàn bộ chi phí thực hiện sẽ được tính trong chi phí đầu tư và ăn chia khi đến kỳ khai thác.

V. Luồng phát trước khai thác

Trước khi thiết kế khai thác, Bên A thông báo cho bên B thực hiện phát luồng toàn bộ diện tích rừng trồng, gồm công việc phát dọn thực bì, dây leo, bụi rậm, chiều cao góc phát không quá 15cm. Phát dọn đường băng cản lửa để phòng tránh cháy rừng.

VI. Khai thác rừng trồng:

- Đến cuối chu kỳ kinh doanh (kỳ thu hoạch) toàn bộ sản phẩm gỗ rừng trồng sẽ được thiết kế khai thác, bên A có trách nhiệm thực hiện quy định của Nhà nước, Tổng công ty về việc lập hồ sơ thiết kế và dự toán khai thác rừng trồng để thẩm định và phê duyệt; bên A kết hợp với bên B thu hồi sản phẩm gỗ rừng trồng trên toàn bộ diện tích bên A đã đầu tư với một trong những hình thức sau:

+ Bán đấu giá cây đứng.

+ Thương lượng bán cây đứng.

+ Đấu thầu khai thác - hộ cùng Công ty thu hồi sản lượng gỗ khai thác ra.

- Giá trị của sản phẩm gỗ thu hồi được (từ bán đấu giá, thương lượng, đấu thầu khai thác) là giá trị để thu hồi vốn đầu tư và ăn chia.

- Hai bên cùng phối hợp trong việc quản lý bảo vệ và giải quyết mọi khó khăn, vướng mắc (nếu có), tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên mua rừng mở đường vận xuất, vận chuyển vật tư, gỗ khai thác từ rừng trồng qua các địa phận.

Điều 3. Hình thức đầu tư, phương thức ăn chia

A. Hình thức đầu tư:

Theo cơ chế đầu tư trồng rừng từ năm 2021 đến năm 2029, ổn định theo chu kỳ sản xuất kinh doanh.

1. Diện tích đất đầu tư:

Diện tích đất đầu tư trồng rừng: là quỹ đất trồng rừng sản xuất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tơ, đã được Nhà nước cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bên A giao cho bên B nhận để trồng rừng theo hình thức

hợp đồng trồng rừng ăn chia, kết thúc chu kỳ trồng rừng hoặc khai thác xong rừng, bên B giao lại toàn bộ diện tích đất cho bên A.

2. Nguồn vốn đầu tư:

Từ nguồn vốn vay các Ngân hàng thương mại, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, vốn tự có của Công ty do Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam làm chủ đầu tư.

Nguồn vốn đầu tư: vật tư, phân bón, cây giống, tiền công, kỹ thuật, tư vấn thiết kế... do Công ty chịu trách nhiệm đầu tư toàn bộ đến bên B để thực hiện từng khâu công việc của các hạng mục lâm sinh theo kế hoạch phê duyệt hàng năm. Các hạng mục được thực hiện khép kín từ khâu: Trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ rừng đến kỳ khai thác.

3. Cách thức đầu tư:

- Bên A đầu tư cho bên B với hình thức giao nhận đất theo chu kỳ (đất trồng rừng thuộc quyền sở hữu của bên A) và vốn trồng rừng từ khâu trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ theo sự thống nhất giữa hai bên. Trồng mới năm thứ 1; chăm sóc năm thứ 2; chăm sóc năm thứ 3 theo Quyết định phê duyệt đơn giá dự toán thiết kế hàng năm của bên A, từ năm thứ 4 đến năm thứ 9 bên A giao cho bên B tự quản lý bảo vệ, có sự kết hợp với lực lượng chuyên trách của bên A và chính quyền địa phương nơi có đất trồng rừng.

- Hàng năm giữa hai bên (A & B) lập biểu thống kê diện tích, biên bản nghiệm thu đánh giá chất lượng công việc trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, chất lượng sinh trưởng phát triển của rừng; lập biên bản đối chiếu công nợ đầu tư để làm cơ sở cho việc vay vốn, thu hồi vốn đầu tư.

+ Chi phí nhân công năm thứ 1, thứ 2, thứ 3 (gồm: Tiền công và bảo vệ): đầu tư trực tiếp cho hộ trồng rừng bằng tiền.

+ Vật tư: phân bón, cây giống bên A đầu tư trực tiếp cho hộ nhận bằng hiện vật.

+ Chi phí quản lý, chi phí chung, chi phí khác của dự án, bên A sử dụng vào công tác quản lý, chỉ đạo kỹ thuật, giải quyết đất đai; mua sắm vật tư, công cụ phòng cháy chữa cháy rừng, sửa chữa mở đường vận chuyển vật tư, đào hào bảo vệ rừng trồng.

+ Chi phí tư vấn dự án (lập hồ sơ thiết kế, dự toán, nghiệm thu, phúc tra, kiểm kê đánh giá rừng) chi trả cho đơn vị tư vấn thực hiện.

4. Chi phí đầu tư :

Chi phí công ty đầu tư bao gồm chi phí đầu tư trực tiếp đến hộ và chi phí gián tiếp liên quan trong đầu tư trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng:

- Chi phí đầu tư trực tiếp đến hộ bao gồm: Tiền công, vật tư, phân bón, cây giống; tiền lãi vay được tính trên chi phí đầu tư trực tiếp theo thời gian từ trồng rừng đến khi kết thúc chu kỳ, mức lãi suất áp dụng bình quân cho cả chu kỳ là 10%/năm. Chi phí thiết kế khai thác bán sản phẩm và các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thi công trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sẽ được cộng vào giá trị đầu tư để thu hồi khi ăn chia.

- Chi phí gián tiếp liên quan, bao gồm: Chi phí quản lý, chi phí chung, chi phí khác, chi phí kiểm tra giám sát, tuyên truyền, hội nghị... các khoản chi phí này dùng để phục vụ cho quá trình đầu tư trồng rừng, bảo vệ, duy tu bảo dưỡng đường lâm nghiệp, đào hào bảo vệ, công tác giải quyết đất đai, phòng cháy chữa cháy rừng....; Chi phí tư vấn: chi phí thiết kế, nghiệm thu, kiểm kê trả cho đơn vị tư vấn thực hiện để đo đạc, hoàn thiện hồ sơ và báo cáo về rừng trồng theo quy định.

- Tất cả các chi phí liên quan đến quá trình đầu tư suốt cả chu kỳ trồng rừng sẽ được ghi nhận trên giá vốn đầu tư, là cơ sở để thực hiện ăn chia khi kết thúc chu kỳ kinh doanh.

*** Dự toán chi phí đầu tư cho 01 ha rừng trồng:** Trồng rừng trên đất sau khai thác, xử lý thực bì: Gom đốt cục bộ, cuốc hố thủ công bằng cuốc.

Căn cứ suất đầu tư trồng rừng năm 2021, công ty dự toán đầu tư trồng rừng năm 2021 cho 01ha như sau:

TT	Năm đầu tư	Hạng mục	Chi phí đầu tư		Chi phí lãi vay			Tổng vốn đầu tư (gốc+lãi)	
			Keo lai hom	Keo lai mô	Số năm chịu lãi	Keo lai hom	Keo lai mô	Keo lai hom	Keo lai mô
I.	Chi phí trực tiếp		18.194.808	23.533.859		13.971.787	18.831.112	32.106.396	42.364.971
1	Năm 2021	Trồng mới năm 1	9.926.194	15.325.444	9	8.933.575	13.792.900	18.859.769	29.118.344
		- Chi phí nhân công trồng rừng	4.841.194	4.841.194					
		- Vật tư phân bón, cây giống	5.085.000	10.484.250					
2	Năm 2022	CS rừng năm 2	3.723.211	3.723.211	8	2.978.569	2.978.569	6.701.780	6.701.780
		- Chi phí nhân công chăm sóc	3.723.211	3.723.211					
3	Năm 2023	CS rừng năm 3	2.685.204	2.685.204	7	1.879.643	1.879.643	4.564.847	4.564.847
		- Chi phí nhân công chăm sóc	2.685.204	2.685.204					
10	Năm 2029	Phát luồng trước khai thác	1.800.000	1.800.000	1	180.000	180.000	1.980.000	1.980.000
II.	Chi phí gián tiếp		20.259.817	20.588.632		0	0	20.259.817	20.588.632
1	Năm 2021	Trồng mới năm 1	4.443.750	4.772.565		0	0	4.443.750	4.772.565
		- Chi phí trực tiếp không phân bổ đến hộ (Kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, báo	2.223.936	2.223.936					
		- Chi phí chung	362.130	524.108					
		- Chi phí quản lý dự án	375.368	542.205					
		- Chi phí tư vấn dự án	603.272	603.272					
		- Chi phí khác	879.044	879.044					
2	Năm 2022	CS rừng năm 2	2.773.594	2.773.594		0	0	2.773.594	2.773.594
		- Chi phí trực tiếp không phân bổ đến hộ (Kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, báo	1.428.393	1.428.393					
		- Chi phí chung	154.548	154.548					
		- Chi phí quản lý dự án	159.185	159.185					
		- Chi phí tư vấn dự án	152.424	152.424					
		- Chi phí khác	879.044	879.044					
3	Năm 2023	CS rừng năm 3	2.301.915	2.301.915	0	0	0	2.301.915	2.301.915
		- Chi phí trực tiếp không phân bổ đến hộ (Kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, báo	843.003	843.003					
		- Chi phí chung	105.846	105.846					
		- Chi phí quản lý dự án	109.022	109.022					
		- Chi phí tư vấn dự án	365.000	365.000					
		- Chi phí khác	879.044	879.044					
4	Năm 2024-2029 - Bảo vệ, PCCCR		10.740.557	10.740.557	-	-	-	10.740.557	10.740.557
	Năm 2024	Chi phí QLNV rừng năm 4	1.790.093	1.790.093					
	Năm 2025	Chi phí QLNV rừng năm 5	1.790.093	1.790.093					
	Năm 2026	Chi phí QLNV rừng năm 6	1.790.093	1.790.093					
	Năm 2027	Chi phí QLNV rừng năm 7	1.790.093	1.790.093					
	Năm 2028	Chi phí QLNV rừng năm 8	1.790.093	1.790.093					
	Năm 2029	Chi phí QLNV rừng năm 9	1.790.093	1.790.093					
Tổng chi phí đầu tư/ha/chu kỳ			38.394.426	44.122.491		13.971.787	18.831.112	52.366.213	62.953.603

*** Tổng chi phí Công ty dự toán đầu tư cho hộ trồng rừng**

Năm đầu tư	Hạng mục	Diện tích (ha)		Chi phí đầu tư/ha (đ/ha)		Tổng chi phí đầu tư (đ)
		Keo lai hom	Keo lai mô	Keo lai hom	Keo lai mô	
Chi phí trực tiếp		2,90		32.106.396	42.364.971	93.109.000
Năm 2021	Trồng mới năm 1			9.926.194	15.325.444	
Năm 2022	CS rừng năm 2			3.723.211	3.723.211	
Năm 2023	CS rừng năm 3			2.685.204	2.685.204	
Năm 2029	Phát luồng trước khai thác			1.800.000	1.800.000	
Năm 2021-2029	Tiền lãi vay			13.971.787	18.831.112	
Chi phí gián tiếp		2,90	0	20.259.817	20.588.632	58.753.000
Năm 2021	Trồng mới năm 1			4.443.750	4.772.565	
Năm 2022	CS rừng năm 2			2.773.594	2.773.594	
Năm 2023	CS rừng năm 3			2.301.915	2.301.915	
Năm 2024-2029	Bảo vệ, PCCCR năm 4-9			10.740.557	10.740.557	
Tổng cộng		2,90	0	52.366.213	62.953.603	151.862.000

Trong chi phí công ty đầu tư, tiền công mà bên B nhận được đã bao gồm các khoản đóng bảo hiểm, bảo hộ cho người lao động.

5. Quy định về nghiệm thu, thanh toán :

Bên B được ứng trước tiền công để thực hiện các hạng mục lâm sinh, trong đó tiền công được ứng trước từ 30% - 70% giá trị của từng hạng mục thi công và được thanh toán toàn bộ khi có biên bản nghiệm thu, phúc tra hoàn thành đạt yêu cầu chất lượng. Vật tư trồng rừng gồm phân bón và cây giống bên A cung cấp cho bên B 01 lần khi trồng rừng.

a. Trồng mới năm thứ nhất:

Rừng trồng được nghiệm thu quyết toán sau 3 tháng (kể từ ngày đã phúc tra rừng). Cây trồng phải có chất lượng sinh trưởng và phát triển đạt tỷ lệ bình quân trên lô : cây loại a = 60%, cây loại b = 30%, cây loại c = 10%. Cây trồng đạt tỷ lệ sống bình quân $\geq 95\%$ sẽ được thanh toán toàn bộ vốn đầu tư cho bên B, cây trồng đạt tỷ lệ sống bình quân từ 85% đến $< 95\%$ sẽ thanh toán theo tỷ lệ cây sống đã đạt, cây trồng đạt tỷ lệ sống bình quân $< 85\%$, phải cam kết trồng dặm, trồng lại diện tích rừng trồng bị thiệt hại sang vụ trồng rừng liền kề để đảm bảo sự thu hồi vốn và ăn chia.

b. Chăm sóc năm thứ 2, năm thứ 3:

Cây trồng phải đạt được sự sinh trưởng phát triển đồng đều, diện tích phải đảm bảo theo nghiệm thu phúc tra ban đầu. Với rừng trồng đạt tỷ lệ cây sống bình quân $\geq 85\%$ được thanh toán vốn đầu tư chăm sóc rừng 100%, nếu tỷ lệ cây sống bình quân từ 50% đến $< 85\%$ thì thanh toán theo tỷ lệ cây sống, tỷ lệ cây sống $< 50\%$ thì không đủ tiêu chuẩn nghiệm thu thanh toán, đồng thời phải có sự cam kết của bên B về việc trả đủ vốn đầu tư và có lãi khi đến kỳ thu hoạch.

c. Từ năm thứ 4 đến năm thứ 9 là thời kỳ quản lý bảo vệ rừng trồng :

Bên B phải có trách nhiệm phối kết hợp với công ty bảo vệ cây trồng và diện tích rừng trồng, tuyệt đối không được để mất đất, mất rừng với mọi lý do tác động.

6. Bảo đảm vốn đầu tư :

Rừng trồng được hình thành từ nguồn vốn đầu tư của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tơ, là tài sản để đảm bảo cho việc thu hồi vốn đầu tư và việc ăn chia giữa bên A và bên B.

Bên B không được dùng diện tích đất, rừng trồng từ sự đầu tư của bên A để thế chấp, cầm cố và chuyển nhượng bất hợp pháp cho bất cứ cá nhân, đơn vị hoặc tổ chức nào khi chưa có sự đồng ý của bên A; nếu bên B vi phạm thì bên A có quyền thu hồi lại đất, tài sản trên đất là rừng trồng; có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và huỷ bỏ mọi quyền lợi của bên B.

Bên B không được tự ý hoặc cố tình khai thác gỗ rừng trồng với bất kỳ mọi lý do gì khi chưa có sự đồng ý của bên A. Nếu vi phạm thì đây được xem là hành vi phá hoại, trộm cắp tài sản gỗ rừng trồng của bên A, sẽ bị xử lý theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp vì nguyên nhân bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến rừng trồng và phải thanh lý rừng trồng thì ưu tiên việc thu hồi đủ vốn đầu tư trước, giá trị còn lại (nếu có) sau khi thu hồi vốn đầu tư mới được ăn chia giữa hai bên.

B. Phương thức ăn chia :

Phương thức ăn chia: theo lợi nhuận

Đến kỳ thu hoạch khi có thông báo khai thác của bên A, bên A kết hợp với bên B thu hồi giá trị sản phẩm để hoàn trả vốn đầu tư và ăn chia, theo hình thức bán đấu giá cây đứng, thương lượng bán cây đứng, đấu thầu công khai thác hoặc bán cho bên A theo giá thị trường

hiện tại, đều phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về việc bán đấu giá tài sản. Giá trị sản lượng gỗ thu hồi được (theo thiết kế khai thác) để ăn chia, cụ thể như sau:

- Giá trị sản lượng gỗ thu hồi được trước hết là trừ chi phí đầu tư trồng rừng (Phần chi phí trực tiếp đầu tư, bao gồm: giá trị vốn đầu tư trực tiếp + tiền lãi vay) và chi phí thiết kế, quản lý trong khai thác. Chi phí được trừ bao gồm tất cả các khoản đầu tư mà bên A đã đầu tư từ khi trồng đến khi khai thác: trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ rừng, tiền lãi vay, chi phí phục vụ khai thác (quản lý, thiết kế, thẩm định, luồng phát) chi phí đền bù và mở đường khai thác, làm các nghĩa vụ ngân sách Nhà nước ... và các chi phí hợp lý khác. Đối với chi phí gián tiếp công ty chịu.

- Sau khi trừ các khoản chi phí đầu tư thực tế, giá trị sản lượng còn lại được ăn chia 50/50, bên A hưởng 50% tổng giá trị sản lượng còn lại, bên B hưởng 50% tổng giá trị sản lượng còn lại.

- Sản lượng gỗ và giá trị lợi nhuận ăn chia giữa hai bên được xác định ngay ban đầu theo hồ sơ thiết kế khai thác được cấp thẩm quyền phê duyệt. Phần lợi nhuận tăng thêm của mỗi bên sau khi đấu giá được tính theo tỷ lệ phần trăm tăng lên so với giá bán dự toán thiết kế (giá sàn) nhân với sản phẩm mỗi bên được hưởng đã phân chia theo thiết kế.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.

1. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tư (Bên A):

a. Quyền:

- Kiểm tra, giám sát bên B thi công theo từng công đoạn của từng khâu công việc đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng đã ký kết. Nếu phát hiện bên B không tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật được quyền yêu cầu khắc phục, sửa chữa.

- Trong trường hợp người lao động không sử dụng bảo hộ lao động thì có quyền đình chỉ tạm thời công việc của người đó cho đến khi người lao động sử dụng bảo hộ lao động.

- Có quyền kiểm tra các khâu công việc trước, trong và đến khi kết thúc chu kỳ đầu tư. Được áp dụng các chế tài về tài chính để thu hồi vốn và lãi vay đã đầu tư, thu hồi diện tích đất đã giao, tài sản gắn liền trên đất nếu bên B tự ý gây ra những thiệt hại, không thực hiện đúng theo những điều khoản ghi trong hợp đồng.

- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại cho bên A theo quy định, nếu bên B vi phạm hợp đồng.

b. Nghĩa vụ:

- Quản lý chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật thi công trồng rừng, tiêu thụ sản phẩm gỗ cho bên B, cung cấp kịp thời vật tư, cây giống, phân bón, tiền vốn đầu tư phục vụ quá trình thi công theo định mức kinh tế, kỹ thuật trong hợp đồng đã ký.

- Chịu trách nhiệm xác định đúng diện tích, vị trí ranh giới diện tích đất rừng giao trên bản đồ và thực địa, xác định đúng hiện trạng rừng trồng.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt dự án đầu tư, lập dự toán thiết kế rừng trồng, khai thác, suất đầu tư và đơn giá khoán cho từng hạng mục lâm sinh.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện hợp đồng trồng rừng, đảm bảo thực hiện đúng pháp luật về đất đai.

- Kiểm tra, theo dõi, cập nhật diễn biến rừng trồng hàng năm

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về quy trình kỹ thuật, an toàn vệ sinh cho người lao động.

- Đảm bảo người lao động được trả công trả lương ở mức bằng 107% hoặc cao hơn mức tiền lương tối thiểu vùng.

2. Bên nhận vốn và đất trồng rừng (Bên B) :

a. Quyền lợi:

- Được thanh toán đầy đủ các khoản đầu tư của bên A sau khi bên B hoàn thành các công việc đạt tiêu chuẩn nghiệm thu.

- Được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về Quy trình kỹ thuật lâm sinh, quy định về an toàn vệ sinh lao động, quy định về phòng cháy, chữa cháy; kiến thức an toàn vệ sinh lao động và sơ cứu thương ...

- Bên B được hưởng toàn bộ giá trị sản phẩm gỗ dôi dư (quy định tại điểm B điều 3), sau khi trừ các khoản chi phí theo phương thức ăn chia, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ngân sách nhà nước (nếu có).

b. Nghĩa vụ:

- Trong suốt chu kỳ trồng rừng, bên B phải có trách nhiệm đầu tư đúng, đủ suất đầu tư theo quy trình kỹ thuật lâm sinh, đảm bảo cho từng lô rừng sinh trưởng, phát triển đồng đều và đạt hiệu quả cao nhất. Bên B phải có nhiệm vụ bảo toàn diện tích đất, rừng trồng trong suốt chu kỳ đầu tư;

- Bên B sử dụng đất, rừng đúng mục đích, đúng quy hoạch, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của bên A về kế hoạch sản xuất, quy trình kỹ thuật và chất lượng rừng trong 9 năm. Cải tạo, bồi dưỡng đất, không làm thoái hóa và biến dạng cấu trúc, địa hình diện tích đất được giao nhận;

- Bên B vì lý do nào đó để đất, rừng bị lấn chiếm, không chủ động bảo vệ rừng để rừng bị người, gia súc phá hoại, làm thất thoát sản lượng gỗ hoặc không tuân thủ đúng quy trình trồng rừng (quy định tại Điều 2), cuộc hồ không đúng quy cách, không bón phân, không chăm sóc hoặc chăm sóc không đúng thời vụ dẫn đến cây trồng kém phát triển không đủ sản lượng gỗ thu hồi vốn đầu tư, thì bên B có trách nhiệm bồi thường vốn đầu tư thiếu hụt cho bên A sau khi kết thúc chu kỳ kinh doanh trồng rừng;

- Trả lại đất và rừng khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai; kết thúc chu kỳ trồng rừng thanh lý hợp đồng Bên B giao lại đất cho bên A. Cam kết không tranh giành, lấn, chiếm đất, rừng giữa hộ trồng rừng với nhau; giữa hộ với công ty.

- Bên B phải thông báo kịp thời với bên A:

+ Những thay đổi ảnh hưởng hoặc đe dọa đến đất, giá trị rừng trồng mình đang hợp đồng hình thành bằng vốn đầu tư của Công ty.

+ Thay đổi địa chỉ thường trú đang sinh sống.

- Phải tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về Quy trình kỹ thuật lâm sinh, quy định về an toàn vệ sinh lao động, quy định về phòng cháy, chữa cháy; kiến thức về sơ cứu thương.

- Phải tuân thủ pháp luật về lao động: trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho người lao động (quần áo bảo hộ lao động, mũ cứng, dây đai, găng tay, ...), mua sắm các loại thuốc và dụng cụ sơ cứu thương cần thiết khi làm việc tại hiện trường. Đóng các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động (BHXH, BHYT) tham gia vào các hoạt động lâm nghiệp trồng, chăm sóc rừng.

- Phải chấp hành đúng các nội quy, quy chế của bên A: quy định về vệ sinh an toàn lao động, các quy định về điều kiện sống và sinh hoạt nơi lán trại; quy định phòng cháy chữa cháy và quản lý bảo vệ rừng; quy trình sử dụng hóa chất; quy chế quản lý bảo vệ rừng.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng:

Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được cả hai bên thống nhất và lập thành văn bản, những điều khoản sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung những điều khoản tương ứng trong hợp đồng.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp:

Mọi phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa hai bên. Trường hợp không tự thương lượng được, hai bên có thể tiến hành các biện pháp hòa giải. Nếu không hòa giải được thì sẽ đưa ra tòa kinh tế, cơ quan pháp luật có thẩm quyền giải quyết.

Điều 7. Bất khả kháng

Kể từ ngày khởi công trồng rừng đến ngày khai thác thu hoạch sản phẩm, những rủi ro xảy ra do chiến tranh, thiên tai, nhiễm phóng xạ hoặc do bất kỳ một sự kiện nào ngoài tầm kiểm soát của hai bên thì được coi là trường hợp bất khả kháng.

Hậu quả của bất khả kháng: Không bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm hợp đồng, có lỗi do không thực hiện, chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng khi xảy ra bất khả kháng, hai bên cùng khắc phục và chia sẻ hậu quả;

Thông báo và khắc phục sự kiện bất khả kháng: Khi phát hiện bất khả kháng phải thông báo cho nhau về sự kiện, tình huống tạo thành bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể, nhưng không được muộn hơn 03 ngày kể từ sau khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng phục hồi. Thông báo về bất khả kháng bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành bất khả kháng, tác động của nó với bên bị ảnh hưởng đối với việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

Hai bên cùng nhau khắc phục hậu quả của bất khả kháng, cung cấp các báo cáo thường xuyên về việc triển khai các biện pháp khắc phục, nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

Điều 8. Thời hạn thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng là 09 năm cho một chu kỳ trồng rừng, từ năm 2021 đến hết năm 2029. Trong một số trường hợp có thể kéo dài hoặc rút ngắn chu kỳ trồng rừng so với hợp đồng để nâng cao giá trị sản phẩm gỗ hoặc vì lý do khác, việc này phải có thông báo và văn bản thống nhất giữa hai bên.

Điều 9. Các thỏa thuận khác

Hai bên thống nhất ký hợp đồng theo các điều khoản qui định trên, nếu bên nào làm sai hợp đồng, thì bên đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên phải tuân thủ theo sự thay đổi cơ chế, các chính sách của Nhà nước được ban hành.

Các điều kiện và các điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo qui định hiện hành của các văn bản pháp luật Nhà nước. Những phụ lục hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị theo hợp đồng.

Điều 10. Hiệu lực của hợp đồng.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày thanh lý hợp đồng chính thức. Tức là sau khi hai bên đã kết thúc việc thu hồi vốn đầu tư và ăn chia lợi nhuận trên diện tích đất bên A đã hợp đồng với bên B.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

trên
bề mặt trái.

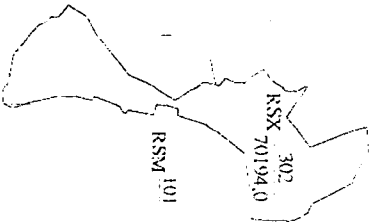


11- Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 302, tờ BDED đất Lâm nghiệp số: 4 (Thuộc tờ bản đồ ranh giới sử dụng đất số 02 được Sở TN&MT thẩm định ngày 16 tháng 10 năm 2014)
- b) Địa chỉ: Thôn Bắc Lân, xã Ba Đông, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi
- c) Diện tích: 70194,0 m² (bằng chữ: Bảy mươi nghìn một trăm chín mươi bốn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng rừng
- e) Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất
- f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 06/04/2056
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Gai chui: -/-

111- Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

GIÁM ĐỐC



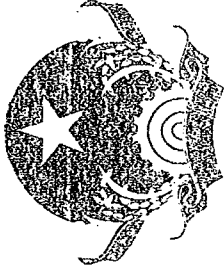
Lê Mỹ Liên

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 12 năm 2015

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

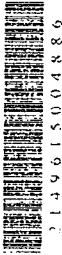
I- Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Ba Tư
Thành lập theo Quyết định số 535/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 21/02/2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Địa chỉ: Km 27, Quốc lộ 24, xã Ba Cung, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi

BT 856879

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
ký nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư
cần phải chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2149615004886